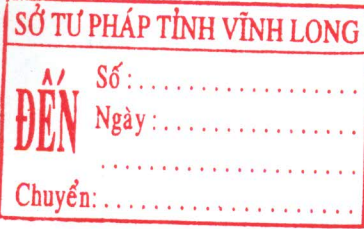


Số: 14/2017/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Long**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 8 Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 368/TTr-SCT ngày 07 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định này triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 20/2015/QĐ-

UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Long.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh Ủy và TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Phòng KTN;
- Lưu: VT. 6.11.02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện

Chương trình Xúc tiến Thương mại tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **14** /2017/QĐ-UBND
ngày **15/6**/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện Đề án Xúc tiến thương mại (sau đây, gọi tắt là Đề án), cơ quan quản lý Chương trình, cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh.

Điều 2. Mục tiêu Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, trong tỉnh, vùng nông thôn của tỉnh, thực hiện cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp); tăng cường khả năng cạnh tranh, kết nối, giao thương, nâng cao lợi thế so sánh cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.

3. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại với đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình là Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực thuộc Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho Sở Công Thương tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá sơ bộ các Đề án, xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, giai đoạn, trình Hội đồng thẩm định xem xét, tham mưu Sở Công Thương trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị chủ trì thực hiện Đề án đã ký kết hợp đồng thực hiện với Trung tâm Xúc tiến Thương mại, báo cáo Sở Công Thương tiến độ thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (sau đây, gọi tắt là Thông tư số 171/2014/TT-BTC).

Điều 4. Đơn vị thực hiện Đề án

Đơn vị thực hiện Đề án là các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Đơn vị thực hiện Đề án phải đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân.
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đề án.
- c) Xác định được nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp.
- d) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường.
- e) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.
- f) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, các Hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã. Các đơn vị này, khi tham gia các Đề án trong Chương trình sẽ nhận được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định và có trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị mình tham gia.

Điều 6. Cơ quan quản lý Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh (sau đây, gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), phổ biến

định hướng xuất khẩu, thị trường trong nước và vùng nông thôn sâu theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn xây dựng các Đề án theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Quy định tiêu chí đối với các Đề án phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.

d) Thẩm định và phê duyệt các Đề án để tổng hợp đưa vào Chương trình hàng năm.

e) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình hàng năm, giai đoạn.

f) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Đề án thuộc Chương trình.

g) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

h) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

Điều 7. Hội đồng thẩm định Chương trình

Giám đốc Sở Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình (*sau đây, gọi tắt là Hội đồng thẩm định*) để thực hiện thẩm định các Đề án, thẩm định Chương trình do Trung tâm Xúc tiến Thương mại xây dựng, tham mưu Giám đốc Sở Công Thương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch; đại diện Trung tâm Xúc tiến Thương mại, các phòng liên quan thuộc Sở Công Thương và mời đại diện Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan tham gia thành viên.

Trường hợp Đề án phát sinh ngoài Chương trình đã được phê duyệt, Hội đồng thẩm định xem xét, tham mưu Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung.

Điều 8. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau

a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch.

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị Chủ trì thực hiện Chương trình.

Điều 9. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại

1. Sở Công Thương xây dựng Chương trình, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, thảo luận, trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ vào dự toán kinh phí xúc tiến thương mại được cấp, Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt danh mục Đề án thuộc Chương trình và giao kinh phí cho Trung tâm Xúc tiến Thương mại tổ chức thực hiện. Kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án thuộc Chương trình không vượt quá dự toán đã được phê duyệt.

3. Căn cứ vào quyết định phê duyệt danh mục Đề án thuộc Chương trình của Giám đốc Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực tiếp thực hiện các Đề án thuộc Chương trình hoặc ký hợp đồng thực hiện Đề án đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Đề án và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký kết.

4. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nội dung của Chương trình đang thực hiện dở dang hoặc đã giao/ký hợp đồng, các đơn vị chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nội dung của Chương trình không giao/ký hợp đồng cho đơn vị thực hiện, phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 10. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu và mức hỗ trợ

1. Đối với nội dung thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các mặt hàng nông sản, chế biến thủy sản, may mặc, sản phẩm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

c) Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa của nội dung quy định tại khoản này không quá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

2. Đối với nội dung tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của Vĩnh Long ra thị trường nước ngoài: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng bao gồm: Chi phí thiết kế xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông; chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Vĩnh Long theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng ...).

3. Đối với nội dung “Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài”:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, nhân bản tài liệu tư vấn, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản này không quá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

4. Đối với nội dung “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại”: Hỗ trợ 50% chi phí đối với doanh nghiệp,

hợp tác xã. Hỗ trợ 100% chi phí đối với Trung tâm Xúc tiến Thương mại tỉnh Vĩnh Long; gồm các khoản chi sau:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác: áp dụng theo Nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh (sau đây, gọi tắt là Nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND); Thông tư số 139/2010/TT-BCT ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây, gọi tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BCT).

b) Hoạch học phí trọn gói của khoá học.

5. Chi hỗ trợ “Tổ chức, tham gia Hội chợ triển lãm thương mại”:

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí :

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Vĩnh Long;

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Vĩnh Long): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm: Chi phí thuê hội trường, địa điểm, thiết bị, thiết kế và trang trí, âm thanh, ánh sáng, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí (sau đây, gọi tắt là Thông tư số 102/2012/TT-BTC).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm này không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

Tùy theo quy mô của Hội chợ triển lãm tại nước ngoài mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng doanh nghiệp, thành phần tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Vĩnh Long: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (sau khi trừ các khoản thu từ các hoạt động khai thác khác tại hội chợ triển lãm):

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng).
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm này không quá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia, trong các trường hợp sau: Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là: 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 doanh nghiệp tham gia; Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là: 150 gian hàng tiêu chuẩn và 75 doanh nghiệp tham gia.

c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm quy định tại điểm a, điểm b Khoản này: Hỗ trợ 100% chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có) nhưng không vượt quá 12% chi phí tổ chức, tham gia các loại hình hội chợ được quy định tại điểm a, điểm b Khoản này.

6. Đối với nội dung “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài”: Hỗ trợ cho mỗi doanh nghiệp là 01 người. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- a) Vé máy bay khứ hồi cho các đơn vị tham gia thực hiện chương trình;
- b) Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu.
- c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch.
- d) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC. Hỗ trợ công tác phí cho 1 người của Đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 8 doanh nghiệp, hỗ trợ 2 người cho đoàn có từ 8 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 3 người cho đoàn có từ 16 đến 30

doanh nghiệp và 4 người cho đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp và 5 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản này không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia khu vực châu Á; 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) /1 doanh nghiệp tham gia khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

Tùy theo quy mô của sự kiện giao dịch thương mại tại nước ngoài mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng doanh nghiệp, thành phần tham gia.

7. Đối với nội dung “Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp” bao gồm: thương mại kết hợp đầu tư và du lịch: Hỗ trợ 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này với mức tối đa số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

8. Đối với nội dung “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến giao dịch mua hàng hoá”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Nghị quyết số 123/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung, sửa đổi chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước của các đơn vị tỉnh Vĩnh Long.

b) Công tác phí cho cán bộ tổ chức: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết 137/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Hỗ trợ công tác phí cho 1 người của Đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 8 doanh nghiệp, hỗ trợ 2 người cho đoàn có từ 8 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 3 người cho đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp, hỗ trợ 4

người cho đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp và hỗ trợ 5 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên.

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch.

Các khoản chi tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này không vượt quá 0,5% so với giá trị được ký kết với đoàn doanh nghiệp đó.

9. Chi hỗ trợ “Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Vĩnh Long”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu;

b) Chi phí tuyên truyền, quảng bá.

10. Chi hỗ trợ “Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

a) 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia;

b) Chi phí ăn, ở;

c) Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/01 đơn vị tham gia.

Điều 11. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước và mức hỗ trợ

1. Đối với nội dung “Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng với quy mô từ 70 gian hàng trở lên”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

a) Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

b) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

c) Chi phí quản lý;

d) Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

e) Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

g) Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản này không quá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/1 đơn vị sản xuất, kinh doanh tham gia.

2. Đối với nội dung “Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí vận chuyển;

b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;

c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;

g) Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung quy định tại Khoản này không quá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

3. Đối với nội dung “Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

4. Đối với nội dung “Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản này không quá 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Chi hỗ trợ “Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Đối với nội dung “Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp tháng khuyến mãi, tuần hàng Việt Nam, Chương trình hàng Việt, Chương trình giới thiệu các sản phẩm Việt Nam được yêu thích theo tháng, quý, năm”: Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Đối với nội dung “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước”: Hỗ trợ 100% các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC và Nghị quyết 122/2014/NQ-HĐND.

b) Hoạch học phí trọn gói của khoá học.

Điều 12. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại vùng nông thôn sâu và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc: “Chương trình hàng Việt về nông thôn”, gồm các chi phí:

- a) Chi phí vận chuyển;
- b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- g) Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hoá, đặc biệt là nông sản cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc”: Hỗ trợ 100% các chi phí:

- a) Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông;
- b) Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

3. Các hoạt động xúc tiến thương mại vùng sâu, vùng xa khác và mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Điều 13. Xây dựng Đề án xúc tiến thương mại

1. Các đơn vị chủ trì thực hiện Đề án xây dựng Đề án theo biểu mẫu do Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công Thương quy định.

2. Các Đề án phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;

b) Phù hợp với định hướng xuất khẩu của tỉnh và các mặt hàng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy chế này;

e) Đảm bảo tính khả thi về: phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

f) Đối với các Đề án mà quá trình thực hiện kéo dài trên 1 năm tài chính, đơn vị chủ trì Đề án phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

Điều 14. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt Đề án, Chương trình

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Đề án gửi Đề án đến Trung tâm Xúc tiến Thương mại trước ngày 30/6 của năm trước năm thực hiện Chương trình. Trung tâm Xúc tiến thương mại tiếp nhận, đánh giá sơ bộ, tổng hợp các Đề án trình Hội đồng thẩm định.

2. Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá, Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định Đề án của đơn vị chủ trì đề án tổng hợp vào Chương trình hàng năm, giai đoạn, tham mưu Sở Công Thương xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Căn cứ Chương trình hàng năm, giai đoạn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo kết quả thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước của Sở Tài chính, Sở Công Thương thực hiện giao dự toán cho Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực tiếp thực hiện.

Điều 15. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện Đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì Đề án phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Trung tâm Xúc tiến thương mại tổng hợp trình Hội đồng thẩm định cho ý kiến.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung Đề án cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì và Trung tâm Xúc tiến thương mại, Hội đồng thẩm định đánh giá tham mưu Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì Đề án không thực hiện đúng nội dung, tiến độ Đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung Đề án không còn phù hợp, Hội đồng thẩm định cho ý kiến để Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành các Đề án theo kế hoạch thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Trường hợp có bổ sung các nội dung mới hoặc các nội dung trong Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phát sinh kinh phí, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

4. Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 19 Quy chế này.

6. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức hiệu quả các Đề án nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch trong nước và nước ngoài.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các Đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với Đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của Đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong Đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Khi thực hiện xong Đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Công Thương trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc Đề án và thông báo cho các cơ quan, đơn vị tham gia đề án thực hiện các báo cáo có liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Quy chế này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

2. Đối với các đề án đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Vĩnh Long được ban hành kèm theo Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 và Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND.

3. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định thay thế mới nhất.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện

hành, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất gửi Sở Công Thương, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / Ng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung